

Bản án số: 38/2020/HC-ST  
Ngày: 11-11-2020  
*V/v “Yêu cầu hủy quyết định  
hành chính về quản lý đất đai”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Đây.

Bà Nguyễn Thị Chi.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Bá Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2019/HCST ngày 17/4/2019 về việc khởi kiện: “Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐST- HC ngày 13/5/2020; Thông báo về việc mở lại phiên tòa hành chính sơ thẩm số 398/2020/TB-TA ngày 19/10/2020, giữa:

- *Người khởi kiện:* Bà Vũ Thị T, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số 213/2, ấp T4, xã T5, huyện T3, tỉnh Đồng Nai.

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1

Địa chỉ: 175 Nguyễn Tất Thành, khu 7, thị trấn T2, huyện T3, tỉnh Đồng Nai.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TS.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Vũ Thị Q, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số 213/1, ấp T4, xã T5, huyện T3, tỉnh Đồng Nai.

- Chị Phạm Thị T6 – sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp T4, xã T5, huyện T3, tỉnh Đồng Nai.

- Anh Đậu Văn Đ, sinh năm 1987,

- Anh Đậu Văn Đức T7, sinh năm 1990,

- Chị Đậu Thị T8, sinh năm 1993

- Chị Đậu Thị Huyền T9, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: ấp T4, xã T5, huyện T3, tỉnh Đồng Nai.

- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1984 và chị Vũ Thị V, sinh năm 1982  
Cùng địa chỉ: ấp T4, xã T5, huyện T3, tỉnh Đồng Nai.

*(Có mặt người khởi kiện bà T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị T6; vắng mặt người bị kiện Chủ tịch UBND huyện T1, Chủ tịch UBND xã TS và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Q, anh Đ, anh T7, chị T8, chị T9, anh D, chị V nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ghi ngày 18/3/2019, các lời khai trong quá trình tố tụng ý kiến của người khởi kiện trình bày:*

Năm 1997 vợ chồng bà có nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn Luật diện tích 2500m<sup>2</sup> đất ruộng, trên đất có 01 căn nhà hai gian lợp tôn và có 01 lối đi từ ruộng ra đến đường liên xã Thanh Sơn- Phú Lâm; con đường đi có chiều rộng phía ngoài giáp đường liên xã Thanh Sơn – Phú Lâm là 2,6m, chiều rộng phía trong là 3,90m; vị trí tứ cận ghi rõ là Đông giáp anh Sinh, Tây và Nam giáp suối. Sau khi ông Luật giao toàn bộ diện tích đất đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà thì vợ chồng bà đã đi đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Gần nhà bà có vợ chồng bà có vợ chồng ông Đậu Văn S, bà Vũ Thị Q lúc đó muốn đi từ nhà ra đường liên xã phải đi trên bờ ruộng và đường vòng rất khó khăn, vì tình làng nghĩa xóm nên bà cho đi nhờ trên con đường này. Năm 2001 vợ chồng bà kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chỉ được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất ruộng diện tích là 2596m<sup>2</sup>, còn phần con đường đi có diện tích 318.3m<sup>2</sup> thì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó bà tiếp tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được biết đất này đã cấp nhầm cho vợ chồng ông Đậu Văn S, bà Vũ Thị Q, vì sai sót này ngày 05/9/2017 UBND xã TS đã có văn bản số 70/UBND cung cấp cho bà với nội dung ghi "...thu hồi diện tích 318m<sup>2</sup> của bà Vũ Thị T cấp nhầm cho ông Đậu Văn S để làm căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Vũ Thị T.

Vì sự nhầm lẫn đó bà tiếp tục đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với con đường đi, khi bà đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì con đường đi được thể hiện trên bản đồ địa chính có ký hiệu là D3 và UBND xã TS có Thông báo số 12/TB-UBND ngày 12/3/2018 trả lời bà biết không thể xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà lý do: Đất giao thông công cộng, do nhà nước quản lý, UBND xã đề nghị bà Vũ Thị T thực hiện đúng qua định của luật đất đai năm 2014. Đồng thời đến bộ phận một cửa UBND huyện T1 để nộp hồ sơ thửa 78, 79 BD 16, để được cấp GCN QSDĐ theo quy định". Không đồng ý với Thông báo của UBND xã TS bà khiếu nại đến Chủ tịch UBND xã TS thì được Chủ tịch UBND xã TS trả lời bằng Quyết định giải quyết khiếu nại số 106/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 nội dung "Không thể xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T, lý do: đất giao thông công cộng do Nhà nước quản lý".

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 106/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND xã TS bà tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch UBND huyện T1, Chủ tịch UBND huyện T1 giải quyết khiếu nại của bà bằng Quyết định số 4205/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 (lần 2) với nội dung “*Không công nhận nội dung khiếu nại của bà Vũ Thị T đối với Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND xã TS về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị T, đã được đính chính bổ sung trích yếu nội dung thành: Về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị T (lần đầu) theo Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã TS*”.

Bà T cho rằng Quyết định giải quyết khiếu nại số 4205/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 106/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND xã TS là không có căn cứ, không đúng quy định pháp luật, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà (vì đây là phần đất mà bà đã nhận chuyển nhượng hợp pháp của ông Luật và sử dụng ổn định từ trước cho đến nay). Nay bà đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4205/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 106/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND xã TS đã được đính chính bổ sung trích yếu nội dung thành: Về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị T (lần đầu) theo Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã TS”.

*Các lời khai trong quá trình tố tụng người bị kiện Chủ tịch UBND xã TS trình bày:*

Ngày 05/9/2017 UBND xã TS có Công văn số 70/UBND ngày v/v trả lời phiếu chuyển của VPĐKĐĐ tỉnh – Chi nhánh Tân Phú về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Vũ Thị T nội dung ghi “...thu hồi diện tích 318m<sup>2</sup> của bà Vũ Thị T cấp nhầm cho ông Đậu Văn Sinh để làm căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Vũ Thị T.

- Ngày 16/01/2018, UBND xã TS làm việc với bà Vũ Thị T để ghi nhận ý kiến phản ánh, kiến nghị của bà Vũ Thị T. Bà T yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất con đường đi cho bà. UBND xã đã hướng dẫn và trả lời thông báo số 12/TB-UBND ngày 12/3/2018.

Ngày 12/7/2018, bà Vũ Thị T khiếu nại UBND xã TS về thông báo số 12/TB-UBND xã về việc không cấp con đường đi cho bà T.

Từ những kết quả xác minh và hồ sơ, tài liệu thể hiện đối với phần diện tích bà T đề nghị xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là “đất giao thông công cộng, do nhà nước quản lý”, ngày 28/9/2018 Chủ tịch UBND xã TS ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 106/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị T, nội dung giải quyết khiếu nại “UBND xã không công nhận nội dung khiếu nại của bà T đối với thông báo số 12/TB-UBND của UBND xã TS, đã được đính chính bổ sung trích yếu nội dung thành: Về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị T (lần đầu) theo Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã TS”.

Không đồng ý với Quyết định giải Quyết khiếu nại số 106/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND xã TS đã được đính chính bổ sung trích yếu nội dung thành: Về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị T (lần đầu) theo Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã TS” bà T tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch UBND huyện T1. Chủ tịch UBND huyện T1 giải quyết khiếu nại của bà bằng Quyết định số 4205/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 (lần 2) với nội dung *“Không công nhận nội dung khiếu nại của bà Vũ Thị T đối với Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND xã TS về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị T, đã được đính chính bổ sung trích yếu nội dung thành: Về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị T (lần đầu) theo Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã TS”*.

Nay Bà T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 106/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND xã TS đã được đính chính bổ sung trích yếu nội dung thành: Về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị T (lần đầu) theo Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã TS” thì Chủ tịch UBND xã TS và Quyết định giải quyết khiếu nại số 4205/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1 thì chủ tịch UBND xã TS không đồng ý.

*Tại báo cáo số 83/BC-UBND ngày 23/3/2020 ý kiến của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện T1 trình bày:*

Ngày 08/10/2018 Chủ tịch UBND huyện T1 nhận được đơn khiếu nại của bà T. Nội dung: Bà T không đồng ý với Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 28/09/2018 của Chủ tịch UBND xã TS về việc giải quyết khiếu nại của bà T. Cụ thể: Yêu cầu UBND xã TS xét đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với con đường đi từ nhà bà T ra đường Phú Lâm – Thanh Sơn cho bà T. Lý do: Diện tích đất trên ông Phạm Ngọc C1 (chồng bà T) mua lại của ông Trần Văn Luật - ấp Đ1, xã T5, huyện T3 theo giấy mua bán viết tay ngày 10/09/1997.

Ngày 09/10/2018 Chủ tịch UBND huyện T1 ra thông báo số 240/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của bà T và ra Quyết định số 3571 cùng ngày giao Thanh tra huyện Tân Phú tiến hành thẩm tra, xác minh đơn khiếu nại của bà T.

Ngày 24/10/2018 Thanh tra huyện T1 tiến hành làm việc xác định nội dung khiếu nại của bà T. Ngày 19/11/2018 Thanh tra huyện T1 có báo cáo số 125BC-TT kết quả xác minh đơn khiếu nại của bà T, kiến nghị Chủ tịch UBND huyện T1 bác đơn khiếu nại của bà T.

Ngày 21/11/2018 Chủ tịch UBND huyện T1 có buổi làm việc đối thoại giải quyết khiếu nại với bà T.

Ngày 23/11/2018, Chủ tịch UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 4205/QĐ-UBND về việc khiếu nại của bà Vũ Thị T (lần hai). Theo đó: Việc bà T khiếu nại Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 28/09/2018 của Chủ tịch UBND xã TS và được đính chính bổ sung theo Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 là không có cơ sở.

Nay bà T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4205/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1 thì chủ tịch UBND huyện T1 không đồng ý.

*Các lời khai trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Q trình bày:*

Vào năm 1986, bà và chồng bà là ông Đậu Văn Sinh (đã mất năm 2011) có nhận chuyển nhượng của ông Quý (họ và tên cụ thể thì bà không nhớ) diện tích đất và 01 căn nhà tại ấp Thanh Trung, xã TS. Khi nhận chuyển nhượng thì phía trước nhà có 01 con đường đi vào phần đất của chúng bà. Con đường đi trên là con đường đi chung của gia đình bà và một số gia đình gần đó. Diện tích đất làm con đường trên không nằm trong diện tích đất của vợ chồng bà nhận chuyển nhượng từ ông Quý.

Đến ngày 29/9/1999, Ủy ban nhân dân huyện T1 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1.032m<sup>2</sup> tại thửa 76, 77, 81 tờ bản đồ số 16 do chồng bà là ông Đậu Văn S đứng tên quyền sử dụng.

Tuy nhiên khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND huyện T1 đã ghi nhầm diện tích đất so với thực tế là 318,3m<sup>2</sup> nên sau đó UBND huyện T1 đã có văn bản thu hồi diện tích đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà. Còn thực tế vợ chồng bà không được cấp thêm diện tích đất nào cả. Bà cũng không biết diện tích đất ghi nhầm trên là diện tích đất của Nhà nước hay thuộc quyền sử dụng của ai hết.

Gia đình bà sử dụng ổn định đến cách đây khoảng hơn 20 năm (thời gian cụ thể thì bà không nhớ) thì bà Vũ Thị T cho rằng con đường đi trên thuộc quyền sử dụng của bà nên đã khiếu nại đến ban quản lý ấp và Ủy ban nhân dân xã TS.

Từ đó đến nay, bà T luôn khiếu nại đến chính quyền địa phương cho rằng con đường đi trên là của bà và có những hành vi ngăn cấm mọi người đi vào con đường trên như rào lưới B40, chắn cây qua đường. Sau đó Ủy ban nhân dân xã TS xác nhận con đường trên là con đường đi công cộng và không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của bà T.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4205/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 106/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND xã TS thì bà có ý kiến như sau: Con đường đi mà bà T tranh chấp có nguồn gốc do các hộ trước kia để làm con đường đi chung và được Ủy ban nhân dân xã TS xác nhận là đất công cộng. Vì vậy đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đậu Văn Đức T7, chị Nguyễn Thị Huyền T9, chị Đậu Thị T8, anh Đậu Văn Đ cùng thống nhất trình bày:*

Vào năm 1986, cha, mẹ anh, chị là bà Vũ Thị Q, ông Đậu Văn S có nhận chuyển nhượng của ông Quý (họ và tên cụ thể thì bà không nhớ) diện tích đất và 01 căn nhà tại ấp Thanh Trung, xã Thanh Sơn. Khi nhận chuyển nhượng thì phía trước nhà có 01 con đường đi vào phần đất của gia đình. Con đường đi trên là con đường đi chung của gia đình bà Q và một số gia đình gần đó.

Đến ngày 29/9/1999, Ủy ban nhân dân huyện T1 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1.032m<sup>2</sup> tại thửa 76, 77, 81 tờ bản đồ số 16 do chồng bà là ông Đậu Văn S đứng tên quyền sử dụng.

Tuy nhiên khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND huyện T1 đã ghi nhầm diện tích đất so với thực tế là 318,3m<sup>2</sup> nên sau đó UBND huyện T1 đã có văn bản thu hồi diện tích đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn thực tế gia đình anh, chị không được cấp thêm diện tích đất nào cả.

Gia đình anh, chị sử dụng ổn định đến cách đây khoảng hơn 20 năm (thời gian cụ thể thì bà không nhớ) thì bà Vũ Thị T cho rằng con đường đi trên thuộc quyền sử dụng của bà nên đã khiếu nại đến ban quản lý ấp và Ủy ban nhân dân xã TS.

Từ đó đến nay, bà T luôn khiếu nại đến chính quyền địa phương cho rằng con đường đi trên là của bà Q và có những hành vi ngăn cấm mọi người đi vào con đường trên như rào lưới B40, chắn cây qua đường. Sau đó Ủy ban nhân dân xã TS xác nhận con đường trên là con đường đi công cộng và không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của bà T.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4205/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 106/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND xã TS thì anh, chị có ý kiến như sau: Con đường đi mà bà T tranh chấp có nguồn gốc do các hộ trước kia để làm con đường đi chung và được Ủy ban nhân dân xã TS xác nhận là đất công cộng. Vì vậy đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn D, chị Vũ Thị V cùng thống nhất trình bày:*

Anh, chị tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2008, sau khi tiến tới hôn nhân thì anh, chị sinh sống gần nhà bà Q (Bà Q cho vợ chồng anh, chị diện tích đất ngang 5m dài 20m hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Q chỉ viết giấy tay), vợ chồng anh, chị đã xây dựng nhà ở từ đó cho đến nay.

Về nguồn gốc con đường mà vợ chồng anh, chị đang đi từ nhà ra đường liên xã Phú Lâm – Thanh Sơn như thế nào thì anh, chị không biết, anh, chị chỉ biết từ năm 2008 cho đến nay thì vợ chồng anh, chị đã đi trên con đường này. Ngoài vợ chồng anh, chị thì còn có gia đình bà Q, gia đình bà T đi chung trên con đường đó.

Nay Bà T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4205/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1 và Quyết định khiếu nại số 106/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND xã TS thì ý kiến của vợ chồng anh, chị là Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị T6 trình bày:*

Chị là con của ông Phạm Ngọc C1 và bà Vũ Thị T. Ông C1 đã mất năm 2016. Năm 1997 cha mẹ chị có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Trần Văn Luật (phần diện tích ngang, dài cụ thể bao nhiêu thì chị không được

biết). Sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông Luật thì gia đình sử dụng phần đất đã nhận chuyển nhượng và cả con đường đi từ nhà ra đến đầu đường liên xã Phú Lâm – Thanh Sơn, thời điểm đó có gia đình bà Q xin đi nhờ trên con đường gia đình chị đã nhận chuyển nhượng của ông Luật và cha mẹ chị đồng ý.

Hiện nay nhà nước gia cho rằng con đường mà cha mẹ chị đã nhận chuyển nhượng đó là con đường đi công cộng thì chị không đồng ý. Chị khẳng định đối với phần đất mà bà T hiện nay đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thể hiện trên bản đồ địa chính có ký hiệu là D3 có nguồn gốc là do cha mẹ tôi nhận chuyển nhượng của ông Luật.

Nay bà T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4205/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1 và Quyết định khiếu nại số 106/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND xã TS đã được đính chính bổ sung trích yếu nội dung thành: Về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị T (lần đầu) theo Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã TS” thì chị cũng đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà T. Ngoài ra chị không có ý kiến gì khác.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, của Thư ký và của người tham gia tố tụng đã tuân theo pháp luật quy định tại Luật tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính là đúng thẩm quyền.

Về nội dung: căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 1 Điều 79; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T đối với yêu cầu khởi kiện

Bà Vũ Thị T được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng : Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện T1, Chủ tịch UBND xã TS, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Q, anh Đ, anh T7, chị T8, chị T9, anh D, chị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ; Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Vũ Thị T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4205/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 106/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND xã TS, đã được đính chính bổ sung trích yếu nội dung thành: Về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị T (lần đầu) theo Quyết định

số 119/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 là Quyết định hành chính của người có thẩm quyền trong quá trình quản lý nhà nước về đất đai, nên quan hệ pháp luật được xác định là “Khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định hành chính về quản lý đất đai” được quy định tại các điều 3, 30, 115 của Luật tổ tụng hành chính.

[2.2] Thẩm quyền giải quyết: Quyết định giải quyết khiếu nại số 4205/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 106/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND xã TS được đính chính bổ sung trích yếu nội dung thành: Về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị T (lần đầu) theo Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 đã tác động trực tiếp đến quyền lợi của bà Vũ Thị T đây là đối tượng của vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai theo khoản 2 Điều 3, Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng Hành chính.

[2.3] Về thời hiệu khởi kiện: Bà Vũ Thị T được Chủ tịch UBND huyện T1 giải quyết khiếu nại tại Quyết định số Quyết định giải quyết khiếu nại số 4205/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 (lần hai) và Quyết định giải quyết khiếu nại số 106/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND xã TS đã được đính chính bổ sung trích yếu nội dung thành: Về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị T (lần đầu) theo Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 thời hiệu khởi kiện không quá 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được Quyết định giải quyết khiếu nại. Ngày 18/3/2019 bà T làm đơn khởi kiện, nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Khoản 1 Điều 115; Điểm a Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[3] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành quyết định hành chính (Quyết định giải quyết khiếu nại số 106/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND xã TS, Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND xã TS với nội dung bổ sung cụm từ “lần đầu” vào trích yếu, nội dung khác của quyết định giải quyết khiếu nại số 106/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND xã TS; Quyết định giải quyết khiếu nại số 4205/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1).

Ngày 12/7/2018 bà Vũ Thị T khiếu nại Thông báo số 12/TB-UBND ngày 12/3/2018 Của UBND xã TS về kết quả giải quyết ý kiến phản ánh, kiến nghị của bà T nội dung “Không thể xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T. Lý do: Đất giao thông công cộng do nhà nước quản lý”. Chủ tịch UBND xã TS ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 106/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 đối với bà Vũ Thị T, ngày 30/10/2018 Chủ tịch UBND xã TS ban hành Quyết định số 119/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND xã TS với nội dung bổ sung cụm từ “lần đầu” vào trích yếu, nội dung khác của quyết định giải quyết khiếu nại số 106/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND xã TS giữ nguyên là đúng quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại quy định tại Điều 17, Điều 31 Luật khiếu nại.

Ngày 08/10/2018 Chủ tịch UBND huyện T1 nhận được đơn khiếu nại của bà Vũ T, nội dung bà T không đồng ý với Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND xã TS (lần đầu), cụ thể là: Yêu cầu UBND xã TS xét đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với con đường đi từ nhà



bà T ra đường Phú Lâm – Thanh Sơn cho bà Vũ Thị T. Chủ tịch UBND huyện T1 ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 4205/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 đối với bà Vũ Thị T là đúng quy định về thẩm quyền và trình tự giải quyết khiếu nại quy định tại Điều 18, Điều 40 Luật khiếu nại.

[4] Xét nội dung, căn cứ giải quyết khiếu nại:

[4.1] Về nguồn gốc diện tích đất và quá trình sử dụng đất mà bà T yêu cầu UBND xã TS xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Năm 1997 ông Trần Văn Luật sang nhượng cho ông Phạm Ngọc C1 (ông C1 là chồng bà T) quyền sử dụng đất và có viết giấy sang nhượng đất, nội dung sang nhượng có xác định “*Tên tôi là Trần Văn Luật cư ngụ tại ấp Đa Tôn, xã Thanh Sơn có 1 chiếc thổ ở đất Thanh Trung, số ruộng một mùa là 1 sào 5 và 1 chiếc nhà ở 2 gian lợp tôn và 1 lối đi từ từ đường tới ruộng, phía ngoài là 2m60 phía trong là 3m90, thổ đông giáp anh Sinh, tây giáp và nam giáp suối, bắc giáp anh Chi. Vậy nay tôi nhượng lại cho anh Phạm Ngọc C1 cư ngụ tại ấp Thanh Trung...*”

Bà Vũ Thị T thừa nhận năm 2001 vợ chồng bà kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất ruộng và nhà ở là 2596m<sup>2</sup>, còn lối đi đã sang nhượng đất của ông Luật thì không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó bà tiếp tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ngày 05/9/2017 UBND xã TS đã có văn bản số 70/UBND, với nội dung “*thu hồi diện tích 318m<sup>2</sup> của bà Vũ Thị T cấp nhầm cho ông Đậu Văn S để làm căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Vũ Thị T*”, bà T cho rằng phần diện tích con đường đi của bà đã bị cấp nhầm cho ông Đậu Văn S.

Bà T tiếp tục đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với con đường đi bà đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND xã TS có Thông báo số 12/TB-UBND ngày 12/3/2018 trả lời bà biết không thể xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà lý do: Đất giao thông công cộng, do nhà nước quản lý.

Bà T cho rằng phần con đường đi hiện nay bà yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đây đã được Nhà nước cấp nhầm cho bà Q: Quá trình xác minh và qua lời khai ngày 12/8/2019 của bà Vũ Thị Q (vợ của ông Đậu Văn S) xác định, năm 1999 Ủy ban nhân dân huyện T1 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1.032m<sup>2</sup> tại thửa 76, 77, 81 tờ bản đồ số 16 do chồng bà là ông Đậu Văn S đứng tên quyền sử dụng. Tuy nhiên khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND huyện T1 đã ghi nhầm diện tích đất so với thực tế là 318,3m<sup>2</sup> nên sau đó UBND huyện T1 đã có văn bản thu hồi diện tích đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà. Còn thực tế vợ chồng bà không được cấp thêm diện tích đất nào cả. Chủ tịch UBND xã TS cũng khẳng định đối với phần diện tích đất mà bà Vũ Thị T đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ trước đến nay chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Tòa án cũng đã tiến hành thu thập đối với hồ sơ thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Q cũng thể hiện không có việc con đường đi của bà T đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị cấp nhầm cho ông Đậu Văn S.

Xét lời khai của bà Q là phù hợp với hồ sơ thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại Quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 của UBND huyện T1 về việc thu hồi giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của 06 hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tại xã Thanh Sơn, do đó bà T cho rằng phần con đường đi của bà nhận chuyển nhượng của ông Luật được cấp nhằm cho ông Đậu Văn S là không đúng.

[4.2] Về nội dung, căn cứ giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T1 và Chủ tịch UBND xã TS thì thấy rằng:

Năm 1996 ông Vũ Đình Chúc sang nhượng lại quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn Luật, ông Chúc cũng ghi rõ trong hợp đồng là “01 lối đi từ đường vào tới ruộng phía đầu đường là 2m60, phía trong là 3m90. Ông Trần Văn Luật được UBND xã TS cấp giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất ngày 12/3/1996, TĐĐ số 02B, số thửa 273, diện tích 1.150m<sup>2</sup>, loại đất TC+ruộng. Như vậy, ông Luật không được Nhà nước công nhận phần đất đường đi chung.

Năm 1997 ông Luật chuyển nhượng lại cho ông C1 thì trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn Luật và ông Phạm Ngọc C1 thì ông Luật cũng xác nhận là chuyển nhượng cho ông C1 “ 01 lối đi từ đầu đường tới ruộng, phía ngoài đường là 2m60 phía trong là 3m90”. Việc chuyển nhượng được lập giấy viết tay, không được cấp có thẩm quyền xác nhận, tuy nhiên được một số người làm chứng như ông Trần Xuân Mậu, Vũ Văn Luyện, Trần Minh Duy ký xác nhận nhưng không được bên tiếp giáp là hộ ông Đậu Văn S ký xác nhận.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và biên bản xác minh tại địa phương của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với các hộ dân sống lâu năm tại địa phương cũng xác định đối với phần diện tích mà bà T yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc là của ông Vũ Đình Chúc và con đường đi có từ năm 1978 cho đến nay, trước đây có 03 – 4 hộ dân thường xuyên đi trên con đường đó, hiện nay có nhà bà T, bà Q và nhà chị V thường xuyên đi lại trên con đường mà bà T đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Bà Vũ Thị T cũng thừa nhận bà đến xã Thanh Sơn từ năm 1995, khi đó bà đã thấy con đường đi mà bà hiện nay bà yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông Luật bà đã nhận chuyển nhượng luôn con đường đi, từ khi nhận chuyển nhượng từ năm 1997 bà sử dụng ổn định cho đến thì cho đến nay bà cũng không phải nộp thuế đối với con đường đi.

Bà T cung cấp cho Tòa án Trích lục và đo giải quyết tranh chấp khu đất bản đồ địa chính số 179/2012 ngày 20/12/2012 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh huyện T1 thì đối với phần diện tích đất của bà T yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thể hiện là đường đất ký hiệu D3, diện tích 330,9m<sup>2</sup>.

Bản đồ địa chính xã TS (Tờ số 16 (251470-4-b)) được đo vẽ năm 2003 thể hiện đối với phần đất mà hiện nay bà T yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thể hiện là đường đất D3 (321).

*Hồ sơ địa chính các thời kỳ thể hiện diện tích đất mà bà Vũ Thị T đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cũng được thể hiện như sau:*

- Theo sổ mục kê và Trích lục biên vẽ trôn thửa đất 43, 44, 45, 46, 47, 61, 449, 938, 57, 58, 934, 935, 48, 933 tờ bản đồ 11, địa chính xã TS, được thành lập năm 1996 thì xác định đối với phần diện tích mà bà T đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thể hiện con đường không ghi ký hiệu tên, loại đất, diện tích, có chiều dài 84,45m (đầu đường rộng 2,48m, phía trong rộng từ 2,36 đến 2,39m), thửa đất của bà T không tiếp giáp với con đường đi này.

- Theo sổ mục kê và Trích lục và biên vẽ trôn thửa số 79, 79, 261, 40, 46, 47, 48, 49, 45, 75, 74, 73, 72, 71, 70, 76, 77, 81 tờ bản đồ số 16 bản đồ địa chính xã TS, được thành lập tháng 6/2003 thì thể hiện đối với phần diện tích đất bà T đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 261, diện tích 321m<sup>2</sup> đất giao thông (DGT), ký hiệu D3, có chiều dài 72,52m (đầu đường rộng 2,48m, phía trong tại vị trí cách đầu đường Phú Lâm – Thanh Sơn vào 57,88m, rộng 5,87m) thửa đất của bà T có một đoạn nằm trên con đường.

Như vậy, từ khi vợ chồng bà T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Trần Văn Luật đối với “01 lối đi từ đầu đường tới ruộng, phía ngoài đường là 2m60 phía trong là 3m 90” đã được nhà nước quy hoạch là con đường đi (đường đất), con đường đất đã được nhà nước quy hoạch trước thời điểm vợ chồng bà T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Luật (Nhà nước quy hoạch con đường đi từ năm 1996, vợ chồng bà T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 1997), đến thời điểm khi bà T đề nghị xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà T cũng không có bất kỳ loại giấy tờ gì xác lập về quyền sử dụng đất và cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần nào.

Khoản 1 Điều 6 Luật đất đai 2013 Về nguyên tắc sử dụng đất, quy định “1. *Đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đúng mục đích sử dụng đất*”.

*Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định:*

*7 trường hợp không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất gồm:*

*1- Tổ chức, cộng đồng dân cư được Nhà nước giao đất để quản lý thuộc các trường hợp quy định tại Điều 8 của Luật Đất đai.*

*2- Người đang quản lý, sử dụng đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn.*

*3- Người thuê, thuê lại đất của người sử dụng đất, trừ trường hợp thuê, thuê lại đất của nhà đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.*

*4- Người nhận khoán đất trong các nông trường, lâm trường, doanh nghiệp nông, lâm nghiệp, ban quản lý rừng phòng hộ, ban quản lý rừng đặc dụng.*

*5- Người đang sử dụng đất không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.*

*6- Người sử dụng đất có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng đã có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.*

7- Tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp xã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất để sử dụng vào mục đích xây dựng công trình công cộng gồm **đường giao thông**, công trình dẫn nước, dẫn xăng, dầu, khí; đường dây truyền tải điện, truyền dẫn thông tin; khu vui chơi giải trí ngoài trời; nghĩa trang, nghĩa địa không nhằm mục đích kinh doanh.

Căn cứ vào bản đồ năm 1996, năm 2003 và hồ sơ, các dữ liệu quản lý đất đai và hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì con đường đi ký hiệu D3 mà bà T yêu cầu UBND xã TS xét đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc là đất giao thông, do nhà nước quản lý. UBND xã TS không xét đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với con đường đi là đúng quy định. Vì vậy, Quyết định giải quyết khiếu nại số 106/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND xã TS về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị T, đã được đính chính bổ sung trích yếu nội dung thành: Về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị T (lần đầu) theo Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã TS” và Quyết định số 4205/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[5]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ pháp lý để bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T về yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 4205/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 106/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND xã TS về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị T, đã được đính chính bổ sung trích yếu nội dung thành: Về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị T (lần đầu) theo Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã TS”.

[6] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của bà T không được chấp nhận nên bà T phải chịu 811.900 đồng tiền chi phí tố tụng. (Gồm: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 500.000 đồng và 311.900 đồng chi phí trích lục và biên vẽ khu đất bản đồ địa chính). Bà T đã nộp đủ chi phí tố tụng.

[7] Về án phí: Bà T là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 3; Điều 30; Khoản 4 Điều 32; Điều 115; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 3 Điều 116; Điểm a, b Khoản 2 Điều 193; Điều 204; Khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Điều 99, 100, Điều 101 Luật đất đai.

Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Điều 17, 18, 31 Điều 40 Luật khiếu nại.

Khoản 3 Điều 345 Luật TTHC; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 1, Mục III phần A Danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết.

*Tuyên xử:*

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T về yêu cầu hủy Quyết định số 4205/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện T1 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 106/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND xã TS về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị T, đã được đính chính bổ sung trích yếu nội dung thành: Về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị T (lần đầu) theo Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND xã TS”.

*Về chi phí tố tụng:* Bà T phải chịu 811.900 đồng tiền chi phí tố tụng. (Gồm: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí trích lục và biên vẽ khu đất bản đồ địa chính). Bà T đã nộp đủ chi phí tố tụng.

*Về án phí:* Bà Vũ Thị T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí. Hoàn lại cho bà T số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 005328 ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Bà T, chị T6 có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chủ tịch UBND huyện T1, Chủ tịch UBND xã TS và bà Q, anh Đ, anh T7, chị T8, chị T9, anh D, chị V vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Thành phố HCM .
- VKSND tỉnh Đồng Nai.
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Nam**

